

Số: 238 /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 18 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các công trình đã được cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước phục vụ mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;

Căn cứ Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 199/TTr- STMNT ngày 11 tháng 6 năm 2020 về việc phê duyệt phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước cho các công trình đã cấp giấy phép khai thác sử dụng nước phục vụ mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các công trình khai thác, sử dụng nước phục vụ mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đã được cấp Giấy phép khai thác nước tính đến ngày 30 tháng 5 năm 2020, như sau:

1. Tổng số công trình khai thác, sử dụng nước phục vụ mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh: 47 công trình.

2. Chi tiết danh mục công trình, vị trí khai thác, quy mô công trình, phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm Thông báo vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đến Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn nơi có công trình cấp nước sinh hoạt; đôn đốc, hướng dẫn, giám sát các tổ chức, cá nhân thực hiện việc xác định ranh giới vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với các tổ chức có công trình khai thác nước để cấp cho sinh hoạt và các cơ quan liên quan trên địa bàn xác định ranh giới phạm vi của vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa; thực hiện các biện pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt; tiếp nhận thông tin, giải quyết các vấn đề liên quan đến vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các công trình khai thác nước trên địa bàn.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp cùng các tổ chức có công trình khai thác nước xác định ranh giới phạm vi của vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa; thực hiện các biện pháp bảo vệ nguồn nước sinh hoạt thuộc địa bàn quản lý; tiếp nhận thông tin, giải quyết các vấn đề liên quan đến vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt theo thẩm quyền. Rà soát các công trình cấp nước sinh hoạt thuộc trường hợp phải xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh trên địa bàn quản lý gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

4. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình

a) Tổ chức trực tiếp quản lý, vận hành công trình có trách nhiệm:

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình khai thác nước và các cơ quan liên quan xác định ranh giới phạm vi của vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình trên thực địa sau khi được phê duyệt và công bố; tiếp tục rà soát các công trình cấp nước sinh hoạt thuộc trường hợp phải xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

- Bảo vệ nguồn nước do mình trực tiếp khai thác, sử dụng; theo dõi, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình. Trường hợp phát hiện hành vi gây ô nhiễm hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm, không bảo đảm an toàn cho việc khai thác nước của công trình và các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước khác trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác thì phải kịp thời ngăn chặn, đồng thời báo cáo ngay đến chính quyền địa phương nơi gần nhất để xử lý.

b) Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sinh sống, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt phải tuân thủ các quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước, bảo vệ nguồn nước dưới đất và tuân thủ các yêu cầu khác về bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn nơi có công trình khai thác nước sinh hoạt, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó CVP Nguyễn Thanh;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh (đăng tin);
- Chuyên viên KS;
- Lưu VT, (Đ 60).

(Báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Giang

Phụ lục
DANH MỤC PHẠM VI VÙNG BẢO HỘ VỆ SINH KHU VỰC LẤY NƯỚC SINH HOẠT
ĐỐI VỚI CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC ĐÃ ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG

(Kèm theo Quyết định số 238 /QĐ-UBND ngày 18 /6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT	Tên công trình	Giấy phép khai thác nước		Nguồn nước khai thác (nước mặt/nước dưới đất)	Quy mô, công suất khai thác (m ³ /ngày đêm)	Vị trí khai thác (Thôn/khối phố, xã/phường/thị trấn, huyện/thành phố)	Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước (m)
		Số Giấy phép	Chủ Giấy phép				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giếng khai thác nước TTN12	Số 04/GP-UBND ngày 08/01/2020	Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang	Nước dưới đất	174	Xã Trung Hòa, huyện Chiêm Hóa	20 m tính từ miệng giếng
2	Giếng khai thác nước TTN11	Số 01/GP-UBND ngày 08/01/2020	Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang	Nước dưới đất	240	Xã Tân Thịnh, huyện Chiêm Hóa	20 m tính từ miệng giếng
3	Giếng khai thác nước TTN7	Số 03/GP-UBND ngày 08/01/2020	Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang	Nước dưới đất	260	Xã Vân Sơn, huyện Sơn Dương	20 m tính từ miệng giếng
4	Giếng khai thác nước N8	Số 29/GP-UBND ngày 19/7/2019	Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang	Nước dưới đất	2.000	Phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang	20 m tính từ miệng giếng
5	Giếng khai thác nước N9	Số 30/GP-UBND ngày 19/7/2019	Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang	Nước dưới đất	1.000	Xã Trung Môn, huyện Yên Sơn	20 m tính từ miệng giếng
6	Giếng khai thác nước N1	Số 64/GP-BTNMT ngày	Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên	Nước dưới đất	500	Phường Hưng Thành, thành phố	20 m tính từ miệng giếng

STT	Tên công trình	Giấy phép khai thác nước		Nguồn nước khai thác (nước mặt/nước dưới đất)	Quy mô, công suất khai thác (m ³ /ngày đêm)	Vị trí khai thác (Thôn/khối phố, xã/phường/thị trấn, huyện/thành phố)	Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước (m)
		Số Giấy phép	Chủ Giấy phép				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Giếng khai thác nước N2	30/3/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Quang		700	Tuyên Quang	20 m tính từ miệng giếng
	Giếng khai thác nước N3				1.250		20 m tính từ miệng giếng
	Giếng khai thác nước N10				950		20 m tính từ miệng giếng
	Giếng khai thác nước N5				1.200	Phường An Tường, thành phố Tuyên Quang	20 m tính từ miệng giếng
	Giếng khai thác nước N6				1.750		20 m tính từ miệng giếng
	Giếng khai thác nước N7				900		20 m tính từ miệng giếng
	Giếng khai thác nước N4				1.250		20 m tính từ miệng giếng
	Giếng khai thác nước N11				1.000	Phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang	20 m tính từ miệng giếng
7	Trạm bơm nước sông Gâm	Số 38/GP-UBND ngày 04/11/2010	Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang	Nước mặt sông Gâm	3.000	Thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa	1.500 m về phía thượng lưu và 100 m về phía hạ lưu từ vị trí khai thác

STT	Tên công trình	Giấy phép khai thác nước		Nguồn nước khai thác (nước mặt/nước dưới đất)	Quy mô, công suất khai thác (m ³ /ngày đêm)	Vị trí khai thác (Thôn/khối phố, xã/phường/thị trấn, huyện/thành phố)	Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước (m)
		Số Giấy phép	Chủ Giấy phép				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
8	Trạm bơm nước Thác Mơ	Số 35/GP-UBND ngày 22/9/2010	Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang	Nước mặt suối Thác Mơ	2.900	Thị trấn Na Hang, huyện Na Hang	1.500 m về phía thượng lưu và 100 m về phía hạ lưu từ vị trí khai thác
9	Giếng khai thác nước Hùng Đức	Số 34/GP-UBND ngày 19/8/2011	Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang	Nước dưới đất	180	Thôn Khánh Hùng, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên	20 m tính từ miệng giếng
10	Công trình cấp nước trung tâm xã Khuôn Hà	Số 17/GP-UBND ngày 30/7/2012	Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang	Nước dưới đất	150	Thôn Nà Hu, xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình	20 m tính từ miệng giếng
11	Công trình cấp nước thôn Nà Va, Nà Lùng, Khôn Hon	Số 46/GP-UBND ngày 25/12/2013	Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang	Nước dưới đất	170	Thôn Nà Va, xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình	20 m tính từ miệng giếng
12	Giếng khai thác nước xã Tràng Đà	Số 37/GP-UBND ngày 24/10/2013	Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang	Nước dưới đất	1.100	Xóm 4, xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang	20 m tính từ miệng giếng
13	Giếng khai thác nước xã Kim Phú	Số 05/GP-UBND ngày 23/01/2016	Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang	Nước dưới đất	450	Xã Kim Phú, thành phố Tuyên Quang	20 m tính từ miệng giếng
14	Công trình cấp nước xã Yên	Số 16/GP-UBND ngày 31/5/2014	Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên	Nước dưới đất	500	Xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa	20 m tính từ miệng giếng

STT	Tên công trình	Giấy phép khai thác nước		Nguồn nước khai thác (nước mặt/nước dưới đất)	Quy mô, công suất khai thác (m ³ /ngày đêm)	Vị trí khai thác (Thôn/khối phố, xã/phường/thị trấn, huyện/thành phố)	Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước (m)
		Số Giấy phép	Chủ Giấy phép				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Nguyên		Quang				
15	Công trình cấp nước sinh hoạt xã Tân Long	Số 39/GP-UBND ngày 29/11/2014	Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang	Nước dưới đất	310	Xóm 10, xã Tân Long, huyện Yên Sơn	20 m tính từ miệng giếng
16	Giếng khai thác nước Yên Phú	Số 19/GP-UBND ngày 20/4/2015	Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang	Nước dưới đất	432	Xã Yên Phú, huyện Hàm Yên	20 m tính từ miệng giếng
17	Giếng Km9 Thắng Quân	Số 24/GP-UBND ngày 22/5/2015	Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang	Nước dưới đất	450	Xã Thắng Quân, huyện Yên Sơn	20 m tính từ miệng giếng
18	Giếng G1 - ĐB	Số 26/GP-UBND ngày 22/5/2015	Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang	Nước dưới đất	240	Thôn Tân Bình, xã Đội Bình, huyện Yên Sơn	20 m tính từ miệng giếng
19	Giếng khai thác nước G1	Số 18/GP-UBND ngày 20/4/2015	Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang	Nước dưới đất	750	Thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương	20 m tính từ miệng giếng
	950				Thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương	20 m tính từ miệng giếng	
	1.100				Thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương	20 m tính từ miệng giếng	

STT	Tên công trình	Giấy phép khai thác nước		Nguồn nước khai thác (nước mặt/nước dưới đất)	Quy mô, công suất khai thác (m ³ /ngày đêm)	Vị trí khai thác (Thôn/khối phố, xã/phường/thị trấn, huyện/thành phố)	Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước (m)
		Số Giấy phép	Chủ Giấy phép				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
20	Giếng khai thác nước LK2-LQ	Số 18/GP-UBND ngày 29/4/2016	Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang	Nước dưới đất	478	Xóm 7, xã Lang Quán, huyện Yên Sơn	20 m tính từ miệng giếng
21	Giếng khai thác nước G1-TB	Số 26/GP-UBND ngày 24/8/2016	Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang	Nước dưới đất	290	Phường Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang	20 m tính từ miệng giếng
22	Giếng khai thác nước Đồng Chằm	Số 27/GP-UBND ngày 24/8/2016	Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang	Nước dưới đất	130	Xóm 11, xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn	20 m tính từ miệng giếng
23	Bể nước xóm Chanh	Số 35/GP-UBND ngày 04/8/2018	Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang	Nước mặt tự chảy	500	Xóm Chanh, xã Thái Bình, huyện Yên Sơn	800 m về phía thượng lưu và 200 m về phía hạ lưu từ vị trí khai thác
24	Trạm bơm nước Cây Quân	Số 03/GP-UBND ngày 07/01/2016	Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang	Nước mặt sông Chảy	500	Thôn Cây Quân, xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn	800 m về phía thượng lưu và 200 m về phía hạ lưu từ vị trí khai thác
25	Trạm cấp nước Long Bình An	Số 25/GP-UBND ngày 03/7/2019	Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang	Nước mặt hồ Kỳ Lãm	300	Phường Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang	Toàn bộ khu vực lòng hồ
26	Giếng khai thác nước LK-ĐB2	Số 09/GP-UBND ngày 03/02/2017	Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên	Nước dưới đất	25	Liên Bình, xã Đội Bình, huyện Yên	20 m tính từ miệng giếng

STT	Tên công trình	Giấy phép khai thác nước		Nguồn nước khai thác (nước mặt/nước dưới đất)	Quy mô, công suất khai thác (m ³ /ngày đêm)	Vị trí khai thác (Thôn/khối phố, xã/phường/thị trấn, huyện/thành phố)	Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước (m)
		Số Giấy phép	Chủ Giấy phép				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			Quang			Sơn	
27	Giếng khai thác nước G1	Số 06/GP-UBND ngày 03/02/2017	Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang	Nước dưới đất	800	Tổ Tân Bình, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên	10 m tính từ miệng giếng
28	Giếng khai thác nước LKTQ6	Số 08/GP-UBND ngày 03/02/2017	Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang	Nước dưới đất	800	Thôn Xa Hạc, xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên	20 m tính từ miệng giếng
29	Trạm khai nước mặt sông Lô	Số 07/GP-UBND ngày 03/02/2017	Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang	Nước mặt sông Lô	5.000	Phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang	20 m tính từ miệng giếng
30	Giếng khai thác nước LK3-BX	Số 10/GP-UBND ngày 06/3/2017	Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang	Nước dưới đất	238	Thôn Đồng Vầu, xã Bình Xa, huyện Hàm Yên	20 m tính từ miệng giếng
	550				Thôn Đồng Còm, xã Bình Xa, huyện Hàm Yên	20 m tính từ miệng giếng	
31	Giếng khai thác nước LK-BX1	Số 38/GP-UBND ngày 31/7/2017	Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang	Nước dưới đất	126	Thôn Bền Đền, xã Bạch Xa, huyện Hàm Yên	20 m tính từ miệng giếng
32	Công trình cấp nước sinh hoạt khu trung tâm xã	Số 36/GP-UBND ngày 19/7/2017	Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang	Nước mặt suối Tát Lung Puôt	200	Thôn Nà Tông, xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình	1.000 m về phía thượng lưu và 100 m về phía hạ lưu từ vị

STT	Tên công trình	Giấy phép khai thác nước		Nguồn nước khai thác (nước mặt/nước dưới đất)	Quy mô, công suất khai thác (m ³ /ngày đêm)	Vị trí khai thác (Thôn/khối phố, xã/phường/thị trấn, huyện/thành phố)	Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước (m)
		Số Giấy phép	Chủ Giấy phép				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Thượng Lâm						trí khai thác
33	Hệ thống cấp nước sinh hoạt khu TĐC Phiêng Hẻo	Số 35/GP-UBND ngày 19/7/2017	Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang	Nước mặt suối Bản Bung	150	Xã Thanh Tương, huyện Na Hang	1.000 m về phía thượng lưu và 100 m về phía hạ lưu từ vị trí khai thác
34	Công trình cấp nước sinh hoạt khu trung tâm xã Yên Hoa	Số 55/GP-UBND ngày 25/12/2018	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Nước mặt suối Nà Luông, suối Nà Luộc	260	Thôn Nà Luông và Thôn Nà Chè, xã Yên Hoa, huyện Na Hang	1.000 m về phía thượng lưu và 100 m về phía hạ lưu từ vị trí khai thác
35	Công trình cấp nước sinh hoạt khu trung tâm xã Đà Vị	Số 56/GP-UBND ngày 25/12/2018	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Nước mặt suối Bản Thốc	355	Thôn Bản Thốc, xã Đà Vị, huyện Na Hang	1.000 m về phía thượng lưu và 100 m về phía hạ lưu từ vị trí khai thác
36	Công trình cấp nước tập trung xã Lãng Can	Số 22/GP-UBND ngày 24/5/2019	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Nước mặt suối Khuổi Tạng	601	Thôn Nà Co, xã Xuân Lập, huyện Lâm Bình	1.000 m về phía thượng lưu và 100 m về phía hạ lưu từ vị trí khai thác
37	Công trình cấp nước tập trung xã Thổ Bình	Số 23/GP-UBND ngày 24/5/2019	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Nước mặt suối Cóc Thàn	197	Thôn Nà Mị, xã Thổ Bình, huyện Lâm Bình	1.000 m về phía thượng lưu và 100 m về phía hạ lưu từ vị trí khai thác
38	Công trình cấp nước tập trung xã	Số 21/GP-UBND ngày 24/5/2019	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi	Nước mặt suối Thai	618	Thôn Ninh Hòa 2, xã Ninh Lai, huyện	1.000 m về phía thượng lưu và 100 m

STT	Tên công trình	Giấy phép khai thác nước		Nguồn nước khai thác (nước mặt/nước dưới đất)	Quy mô, công suất khai thác (m ³ /ngày đêm)	Vị trí khai thác (Thôn/khối phố, xã/phường/thị trấn, huyện/thành phố)	Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước (m)
		Số Giấy phép	Chủ Giấy phép				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Ninh Lai		trường nông thôn	Hang		Sơn Dương	về phía hạ lưu từ vị trí khai thác
39	Công trình khai thác nước mặt suối Pù Tát	Số 05/GP-UBND ngày 15/01/2020	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Nước mặt suối Pù Tát	116	Thôn Nà Toong, xã Minh Quang, huyện Lâm Bình	1.000 m về phía thượng lưu và 100 m về phía hạ lưu từ vị trí khai thác
40	Công trình khai thác nước mặt suối Pó Khảm	Số 06/GP-UBND ngày 15/01/2020	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Nước mặt suối Pó Khảm	104	Thôn Nà Khau, xã Minh Quang, huyện Lâm Bình	1.000 m về phía thượng lưu và 100 m về phía hạ lưu từ vị trí khai thác
41	Công trình khai thác nước mặt suối Tát Piếm	Số 07/GP-UBND ngày 15/01/2020	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Nước mặt suối Tát Piếm	485	Thôn Nà Khau, xã Minh Quang, huyện Lâm Bình	1.000 m về phía thượng lưu và 100 m về phía hạ lưu từ vị trí khai thác
42	Công trình khai thác nước mặt suối Thiện Phong	Số 08/GP-UBND ngày 20/01/2020	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Nước mặt suối Thiện Phong	252	Thôn Thiện Phong, xã Thiện Kế, huyện Sơn Dương	1.000 m về phía thượng lưu và 100 m về phía hạ lưu từ vị trí khai thác
43	Giếng khai thác nước LK1	Số 24/GP-UBND ngày 24/5/2019	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Nước dưới đất	60	Thôn Toạt, xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn	20 m tính từ miệng giếng
44	Lỗ khoan LK1-Z129	Số 38/GP-UBND ngày 28/12/2012	Nhà máy Z129	Nước dưới đất	670	Thôn Liên Bình, xã Đội Bình, huyện	20 m tính từ miệng giếng

STT	Tên công trình	Giấy phép khai thác nước		Nguồn nước khai thác (nước mặt/nước dưới đất)	Quy mô, công suất khai thác (m ³ /ngày đêm)	Vị trí khai thác (Thôn/khối phố, xã/phường/thị trấn, huyện/thành phố)	Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước (m)
		Số Giấy phép	Chủ Giấy phép				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Lỗ khoan LK2-Z129			Nước dưới đất	440	Yên Sơn	20 m tính từ miệng giếng
45	Trạm khai thác nước mặt sông Lô	Số 57/GP-UBND ngày 26/12/2018	Nhà máy Z129	Nước mặt sông Lô	845	Xã Đội Bình, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	1.000 m về phía thượng lưu và 100 m về phía hạ lưu từ vị trí khai thác
46	Trạm khai thác nước mặt sông Lô	Số 24/GP-UBND ngày 20/7/2013	Nhà máy Z113	Nước mặt sông Lô	2.880	Phường Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang	1.000 m về phía thượng lưu và 100 m về phía hạ lưu từ vị trí khai thác
47	Giếng B3	Số 23/GP-UBND ngày 20/7/2013	Nhà máy Z113	Nước dưới đất	200	Phường Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang	20 m tính từ miệng giếng
	Giếng NK1				160		20 m tính từ miệng giếng
	Giếng NK2				160		20 m tính từ miệng giếng
	Giếng Kho N				215		20 m tính từ miệng giếng
	Giếng SB				200		20 m tính từ miệng giếng
	Giếng Km14				240		20 m tính từ miệng giếng